TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/KDTM-PT
Ngày: 23-11-2018
V/v tranh chấp gia công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Bình**

Bà **Lê Thị Thu Trang**

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Kiều Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:** Ông **Nguyễn Trần An** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLPT – KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng gia công".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1976 – (Nguyên là chủ Doanh nghiệp tư nhân D T.

Địa chỉ: Số 1093, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú Số 204, đường T, K 2, P 1, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh - Là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19-01-2015), có mặt.

- *Bị đơn*: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn LTH.**

Địa chỉ: Số 16, đường T, K 1, P 2, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị **Trần Thị Đoan T1** - Chức vụ: Giám đốc – Là người đại diện theo pháp luật. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Trại Giam C**. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2/ Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1978

Cư trú tại: Số 204, đường T, K 2, P 1, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T – Nguyên là Chủ Doanh nghiệp tư nhân D T; bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn LTH.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:*Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị D trình bày:

Từ tháng 4-2013 đến ngày 24-6-2014 Doanh nghiệp tư nhân D T (viết tắt DN D T) có gia công hạt điều cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn LTH - Chi nhánh ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh do chị Trần Thị Đoan T1 là giám đốc. Hai bên thỏa thuận miệng về việc gia công hạt điều như sau:

Hình thức giao nhận hàng: Phía Công ty Trách nhiệm hữu hạn LTH (viết tắt Công ty LTH) có trách nhiệm chở hạt điều giao hàng và nhận hàng cho DN D T tại địa điểm gia công là Trại Giam C – Phân trại 3. Việc giao nhận hàng được tiến hành giữa Công ty LTH và DN D T, phạm nhân trại giam chỉ có trách nhiệm bốc vác hàng hóa.

Phương thức thanh toán tiền: Sau khi đối chiếu từng lô hàng của mỗi ngày trong một tháng và tính tiền theo từng loại hàng. Hàng loại C thì Công ty LTH trả 9.000đ/kg hàng gia công hoàn tất, hàng loại B là 7.000đ/kg, chốt sổ Công ty phải thanh toán cho Doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày chốt sổ. Phía Doanh nghiệp và Công ty có thỏa thuận miệng, Doanh nghiệp có trách nhiệm xuất hóa đơn dưới 20.000.000 đồng/hóa đơn cho Công ty bắt đầu từ tháng 2/2014 cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Quá trình hợp tác Công ty đã thanh toán tiền gia công cho Doanh nghiệp đến tháng 4-2014. Đối với tiền gia công của tháng 5, 6 -2014 thì Công ty chưa thanh toán cụ thể như sau: Tiền gia công của tháng 5/2014 là 253.134.000 đồng, đến ngày 09/6/2014 Công ty thanh toán cho Doanh nghiệp được 53.134.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng chưa thanh toán. Tiền gia công tháng 6-2014 Công ty phải trả cho Doanh nghiệp là 172.732.000 đồng, tổng cộng là 372.732.000 đồng. Lý do Công ty không thanh toán cho Doanh

nghiệp số tiền trên vì ngày 20-6-2014 sau khi tài xế của Công ty nhận và chở hàng từ phân trại 3, Trại Giam C về Công ty giao hàng thì số lượng hàng bị thiếu so với hóa đơn. Chị T1 báo cho Công an huyện Châu Thành điều tra về việc mất hàng, qua điều tra thì hàng vẫn còn do bỏ sót không chở hết hàng tại Phân trại 3, Trại Giam C. Ngày 24-6-2014, Công ty đã chở hết hàng về cùng 02 bao hàng còn sót lại. Ngày 21-9-2014, Công ty thanh toán cho Doanh nghiệp được 77.700.000 đồng, mỗi lần nhận tiền chị ký tên vào sổ của Công ty LTH. Hiện nay Công ty LTH còn nợ Doanh nghiệp tiền lương gia công là 295.032.000 đồng. Ngày 02-11-2016, DN D T giải thể theo Thông báo số 140/TB-ĐKKD của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh, DN D T là do chị và chị D hợp tác thành lập

Nay chị T yêu cầu Công ty LTH có trách nhiệm trả cho chị và chị D số tiền còn thiếu là 295.032.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24-6-2014 đến ngày 24-2-2018 là 44 tháng (295.032.000 đồng x 0,75% x 44 tháng = 97.360.560 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 392.392.560 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty LTH thì chị D không đồng ý vì số lượng hàng Công ty yêu cầu bồi thường Công ty đã nhận xong, đối với yêu cầu thanh toán số tiền thuế thu nhập 27.939.802 đồng thì chị D đã xuất hóa đơn theo yêu cầu của Công ty do Công ty ngưng không giao hàng để Doanh nghiệp chị gia công nên chị không thể tiếp tục xuất hóa đơn cho Công ty, do đó lỗi dẫn đến việc không xuất hóa đơn thuộc về Công ty nên không đồng ý thanh toán khoản tiền trên.

Hợp đồng gia công giữa DN D T và Công ty LTH không liên quan đến Trại Giam C vì DN D T và Trại Giam C có ký hợp đồng gia công khác đã thực hiện xong, không xảy ra tranh chấp.

Tại văn bản ngày 5-2-2015 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty LTH do chị Trần Thị Đoan T1 đại diện theo pháp luật trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của chị D về việc ký kết hợp đồng gia công. Vào năm 2013 và 2014 Công ty LTH có thỏa thuận miệng với DN D T về việc quản lý và gia công hạt điều. Địa điểm gia công tại Trại Giam C, Phân trại 3. Các bên thỏa thuận giá gia công hạt điều thành phẩm nhân hàng loại B là 7.000đ/kg, nhân loại C là 9.000đ/kg (Trong đó có tiền gia công của Trại Giam C, tiền quản lý và tiền hóa đơn giá trị gia tăng). Đầu năm 2014 hai bên thỏa thuận bên DN D T có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng từ tháng 2-2014 cho đến khi kết thúc hợp đồng. Tuy nhiên bên Doanh nghiệp chưa xuất

hóa đơn mà đến tháng 4-2014 mới bắt đầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty, do phải xuất bù lại cho tháng 2 và tháng 3-2014 nên DN D T phải xuất liên tục. Tháng 2-2014 với số lượng 13.606,3kg, thành tiền gia công là 102.511.300 đồng. Tháng 3-2014 số lượng 18.786,1kg số tiền 164.621.000 đồng. Tháng 4/2014 số lượng 36.009kg số tiền 311.036.400 đồng, Công ty đã thanh toán xong tiền gia công các tháng trên. Tháng 5-2014 số lượng 28.551,6kg số tiền 253.134.000 đồng, đã thanh toán xong (theo hai phiếu chi 13-5-2014 là 100.000.000 đồng, ngày 28-5-2014 là 100.000.000 đồng và 09-6-2014 Công ty thanh toán cho Doanh nghiệp được 53.134.000 đồng). Tháng 6-2014 số lượng 19.988,4kg số tiền 172.733.200 đồng, Công ty đã thanh toán ngày 4-6-2014 với số tiền 45.000.000 đồng, ngày 21-9-2014 thanh toán 77.700.000 đồng. Tổng cộng tháng 6-2014 Công ty đã thanh toán cho DN D T được 122.700.000 đồng, còn nợ lại Doanh nghiệp 50.033.200 đồng.

Do đó việc chị D cho rằng Công ty còn nợ Doanh nghiệp số tiền 295.032.000 đồng là không đúng. Về việc xuất hóa đơn thì DN D T đã xuất được 100.922kg với số tiền 877.036.800 đồng, còn lại số tiền 126.999.100 đ chưa xuất hóa đơn. Việc Doanh nghiệp không xuất hóa đơn cho Công ty gây thiệt hại cho Công ty về thuế là 27.939.802 đồng.

Ngoài ra ngày 21-6-2016, Công ty có chở một lô hàng cho DN D T gia công, Tuy nhiên, DN D T chưa giao cho Công ty lô hàng thành phẩm này, cụ thể: Nhân B là 318,3kg x 180.000 đ= 52.294.000 đ, nhân bể: 18,1kg x 110.000 đ= 1.991.000 đ, nhân C: 833,5kg x 170.000đ= 141.695.000đ, nhân bể: 59,6kg x 100.000 đ= 5.960.000 đ. Tổng cộng lô hàng bị mất trị giá 206.940.000 đồng.

Nay, Công ty LTH không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp. Ngày 01-12-2017, Công ty LTH có đơn phản tố yêu cầu Doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán lại cho Công ty số tiền 211.420.100 đồng.

Ngày 02-4-2018, Công ty LTH thay đổi yêu cầu phản tố, yêu cầu DN D T phải trả tiền cho lô hàng bị mất 206.940.000 đồng, tiền hóa đơn chưa xuất 27.939.802 đồng, trừ đi số tiền Công ty còn nợ DN D T 50.033.200 đồng. Tổng cộng Doanh nghiệp phải thanh toán lại cho Công ty số tiền 184.846.602 đồng.

DN D T và Công ty LTH hợp đồng gia công nhân hạt điều không liên quan đến Trại Giam C. Quá trình giải quyết chị có biết ngày 02-11-2016, DN D T đã giải thể và chủ doanh nghiệp là chị T và chị D. Nay, chị yêu cầu chị T

và chị D phải trả tiền cho lô hàng bị mất 206.940.000 đồng và chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D và chị T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên trình bày

- Tại công văn số 345/TGCC ngày 09-3-2018, Trại Giam C trình bày:

Trại giam C không có liên quan đến tranh chấp hợp đồng gia công giữa Công ty LTH và DN D T nên không tham gia tố tụng. Trại Giam C không có bất kỳ chứng từ nào có liên quan đến vụ án tranh chấp trên nên không thể cung cấp.

- Tại biên bản làm việc ngày 13-11-2018, chị Nguyễn Thị D trình bày: DN D T do chị và chị T làm chủ. Ngày 02-11-2016, DN D T giải thể nay tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị đồng ý tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và tự nguyện chịu trách nhiệm liên đới với chị D về quyền và nghĩa vụ của DN D T, sau khi giải thể.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2016/KDTM-ST ngày 15-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là Công ty L TH có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T chủ doanh nghiệp tư nhân D T số tiền 295.032.000 đồng.

Tại bản án phúc thẩm số 05/2016/KDTM-PT ngày 16-6-2016 của Tòa án nhân dân huyện tỉnh Tây Ninh quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty LTH, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 28/2017/KDTM-GĐT ngày 06-7-2017 của Tòa án nhân dân cấp cao quyết định: Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2016/KDTM-PT ngày 16-6-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2016/KDTM-ST ngày 15-03-2016 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM - ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng gia công của chị Nguyễn Thị T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân D T đối với Công ty TNHH LTH.

Buộc Công ty TNHH LTH do chị Trần Thị Đoan T1 - Giám đốc đại diện có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân D T số tiền gốc 295.032.000 đồng và tiền lãi 97.360.560 đồng. Tổng cộng gốc và

lãi 392.392.560đ (Ba trăm chín mươi hai triệu ba trăm chín mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH LTH với số tiền 206.940.000 đồng (Hai trăm linh sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Không chấp nhận yêu cầu phản tố bị đơn Công ty TNHH LTH với số tiền 27.939.802 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm ba mươi chín nghìn tám trăm linh hai đồng).

- Buộc chị Nguyễn Thị T- Chủ Doanh nghiệp tư nhân D T có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH LTH số tiền 206.940.000 đồng (Hai trăm linh sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng)

- Ghi nhận Công ty TNHH LTH do chị Trần Thị Đoan T1- Giám đốc đại diện không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11-06-2018, chị D kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận phản tố bị đơn buộc chị D T trả số tiền 206.940.000 đồng vì đã thanh toán số tiền này cho Công ty LTH xong và không chấp nhận trả số tiền hóa đơn chưa xuất là 27.939.802 đồng.

Ngày 12-6-2018, Công ty LTH có đơn kháng cáo yêu cầu DN D T trả số tiền thiệt hại không xuất hóa đơn là 27.939.802 đồng và yêu cầu xem xét tiền lãi phát sinh của số tiền 206.940.000 đồng tính từ ngày 21-6-2014 đến nay là 48 tháng với số tiền là 124.164.000 đồng, tổng cộng 359.043.802 đồng. Đối với tiền gia công nhân hạt điều tháng 5,6 thì Công ty chỉ còn nợ chị D, chị T là 50.033.200 đồng

Ngày 14-6-2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty LTH đối với yêu cầu buộc DN D T thanh toán số tiền 206.940.000 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty LTH yêu cầu chị D, chị T thanh toán số tiền thuế giá trị gia tăng là 100.403.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của của Công ty LTH, chấp nhận kháng cáo của chị D, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty LTH.

Tại phiên tòa, Công ty LTH yêu cầu chị D, chị T thanh toán số tiền thuế giá trị gia tăng là 100.403.000 đồng là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nên không có căn cứ xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng: DN D T được thành lập ngày 26-02-2013 do chị Nguyễn Thị T làm chủ doanh nghiệp. Ngày 02-11-2016, DN D T giải thể theo Thông báo số 140/TB-ĐKKD của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị D và chị Nguyễn Thị T thừa nhận cùng nhau hợp tác thành lập DN D T. Do doanh nghiệp đã giải thể nên chị D, chị T phải chịu trách nhiệm cá nhân của mình trong vụ kiện theo Điều 183 Luật Doanh nghiệp. Cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là DN D T là chưa chính xác được điều chỉnh lại tại cấp phúc thẩm xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T.

Tại cấp phúc thẩm chị D tự nguyện tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và cùng chịu trách nhiệm liên quan đến quyền và nghĩa vụ của DN D T với chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự thì thấy rằng DN D T và Công ty LTH thỏa thuận miệng. Từ tháng 4-2013 đến ngày 24-6-2014 DN D T gia công hạt điều cho công ty LTH. Công ty LTH có trách nhiệm giao hàng và nhận hàng do DN D T giao tại địa điểm gia công là Trại Giam C.

[2.1] Đối với kháng cáo của Công ty LTH không đồng ý thanh toán tiền gia công của tháng 5 và tháng 6 năm 2014 còn lại là 295.032.000 đồng và số tiền lãi là 97.360.560 đồng cho DN D T thì thấy rằng: Công ty LTH cho rằng đã thanh toán cho DN D T tiền gia công của tháng 5 xong theo các phiếu chi ngày 13-5-2014, ngày 28-5-2014, ngày 09-6-2014 và thanh toán 53.134.000 đồng. Đối với tiền gia công của tháng 6-2014 thì công ty đã thanh toán cho

DN D T theo phiếu chi ngày 04-6-2014 với số tiền 45.000.000 đồng, ngày 21-9-2014 thanh toán tiếp số tiền 77.700.000 đồng nên còn nợ DN D T là 50.033.200 đồng.

Xét thấy, Công ty LTH và DN D T thống nhất phương thức thanh toán tiền gia công là chốt sổ ngày 30 hàng tháng, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày chốt sổ. Tiền gia công tháng 5 hai bên chưa chốt sổ, Công ty LTH cho rằng 02 phiếu chi ngày 28-5-2014, ngày 13-5-2014 là số tiền tạm ứng, tuy nhiên phiếu chi không thể hiện nội dung số tiền là tạm ứng. Mặc khác Chị T1 cho rằng số tiền 45.000.000 đồng theo phiếu chi ngày 04-6-2014 là khoản tiền Công ty tạm ứng tiền gia công cho DN tháng 6, trong khi tiền lương của tháng 5-2014 còn nợ là 53.134.000 đồng là không phù hợp với thực tế

Tại phiên tòa, theo Chị T1 thừa nhận giữa Công ty LTH và DN D T có gia công hạt điều tại T H theo sổ gia công tại T H thể hiện bảng lương tháng 5 và tháng 6, số tiền gia công là 45.000.000 đồng và anh Trần Thế Q là quản lý công ty cũng là em trai Chị T1 xác nhận đã thanh toán xong (Búc lục 251) nên lời trình bày của chị D cho rằng số tiền 45.000.000 theo phiếu chi ngày 04-6-2014 là thanh toán số tiền lương gia công tại T H là có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án tại văn bản ngày 05-02-2015 (Bút lục 72) Chị T1 cho rằng hai bên chốt số liệu số lượng công nợ và thanh toán vào ngày cuối tháng DN D T xuất hóa đơn và Công ty LTH thanh toán khi nhận bằng tiền mặt để nhận hóa đơn, không trình bày đến các phiếu chi trên. Do đó các lời trình bày của Chị T1 có sự mâu thuẫn nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của Công ty LTH cho rằng DN D T chưa giao số lượng hàng nhân B là 318,3 kg và nhân C là 18,1 kg thì thấy rằng tại biên bản lấy lời khai ngày 22-6-2016 (bút lục 673) anh Nguyễn Trung T là tài xế xác nhận ngày 22-6-2014 sau khi phạm nhân chất hàng lên xe anh chở hàng về giao cho Công ty LTH. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-10-2017 (bút lục 412) anh T xác nhận khi nhận hàng anh có ký và có khi không ký vào biên bản. Tại biên bản kiểm tra ngày 22-6-2014 của Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thể hiện theo phiếu nhận hàng do anh T nhận đem về giao lại cho Công ty LTH thì nhân hạt điều loại B có trọng lượng 318,3 kg; loại C có tổng trọng lượng 833,5 kg đối chiếu với số lượng mang về còn thiếu nhân hạt điều loại B là 47,3 kg; nhân hạt điều loại C là 50,9 kg (Búc lục 670) và tại bảng thống kê nhân hạt điều nhận của Trại giam C, anh Q xác nhận đã nhận đơn hàng ngày 22/6/2014. Hơn nữa, sổ của Công ty LTH (Bút lục 498) có thể

hiện số lượng hàng nhận trên. Ngoài ra, Công ty LTH cho rằng DN D T chưa giao số lượng hàng hóa trị giá 206.940.000 đồng nhưng lại đồng ý thanh toán số tiền gia công của tháng 6 là 172.732.000 đồng mà không yêu cầu khấu trừ số tiền gia công của lô hàng chưa nhận là có sự mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết vụ án, Chị T1 giám đốc Công ty LTH xác nhận Công ty LTH yêu cầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng từ tháng 02-2014, mỗi hóa đơn phải trên 20.000.000 đồng. Đến tháng 6-2014 Công ty LTH đơn phương chấm dứt hợp đồng không tiếp tục giao hàng gia công cho DN D T. Mặt khác, tại biên bản đối chất ngày 27-3-2018, Công ty LTH cho rằng hai bên thỏa thuận nếu DN D T không xuất đủ hóa đơn thì phải trả cho công ty 1000 đồng/1 kg nhân hạt nhưng không được DN D T thừa nhận và Công ty không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời trình bày là có cơ sở. Nay công ty LTH có phản tố yêu cầu DN D T thanh toán số tiền thuế thu nhập mà công ty phải chịu là 27.939.802 đồng là mâu thuẫn và không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, Công ty LTH kháng cáo bổ sung yêu cầu chị D, chị T thanh toán số tiền thuế giá trị gia tăng 100.403.000 đồng. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Công ty không có yêu cầu phản tố đối với số tiền trên nên yêu cầu của Công ty chưa được Tòa án sơ thẩm đặt ra giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty LTH, chấp nhận kháng cáo của DN D T, không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty LTH yêu cầu DN D T thanh toán số tiền 359.043.802 đồng và tiền thuế 27.939.802 đồng.

Tại công văn số 2310/CCT-Ktr ngày 27-11-2018 của Chi cục thuế huyện Tân Biên tỉnh Tây Ninh, kết luận quá trình hoạt động DN D T có vi phạm về pháp luật về thuế. Đây là việc vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế. Do đó, kiến nghị Cơ quan thuế xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Công ty LTH phải chịu án phí sơ thẩm. Do yêu cầu kháng cáo của Công ty LTH không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm. Đối yêu cầu kháng cáo của chị D được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 26 và khoản 1, 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 178, 179, 183 Luật Thương mại, khoản 1, 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty LTH, chấp nhận kháng cáo của chị D, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Sửa án bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng gia công của chị Nguyễn Thị T (nguyên là chủ doanh nghiệp tư nhân D T) đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn LTH.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn LTH có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T, chị Phạm Thị D số tiền gốc 295.032.000 đồng và tiền lãi 97.360.560 đồng, tổng cộng 392.392.560đ (Ba trăm chín mươi hai triệu ba trăm chín mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Kiến nghị cơ quan thuế có thẩm quyền xử lý vi phạm về thuế của Doanh nghiệp tư nhân D T trong quá trình hoạt động kinh doanh trước khi giải thể.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn LTH yêu cầu chị D, chị T thanh toán các khoản gồm số tiền hàng bị mất trị giá 206.940.000 đồng và tiền lãi 124.164.000 đồng, tổng cộng là 359.043.802 đồng; số tiền thuế tăng thu nhập là số tiền 27.939.802 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm ba mươi chín nghìn tám trăm linh hai đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T, chị Phạm Thị D không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.375.800 đồng (Bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm đồng) theo biên lai thu số 0008313 ngày 30-01-2015 và 2.434.000 đồng (Hai trệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn) theo biên lai thu số 0018841 ngày 02-3-2018 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận số tiền tạm ứng án phí 7.375.800 đồng chị T đã được hoàn trả xong.

Công ty TNHH LTH phải chịu 19.619.628 đồng (Mười chín triệu sáu trăm mười chín nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.281.352 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi hai đồng) theo biên lai số 0018556 ngày 04-12-2017 và 200.000 đồng theo biên lai số 0016300 ngày 4-4-2016 (đã được Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành chuyển sang thu án phí xong). Công ty TNHH LTH còn phải nộp thêm số tiền 14.138.276 đồng (Mười bốn triệu một trăm ba mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi sáu đồng).

- Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T, chị Phạm Thị D không phải chịu tiền án phí, hoàn trả cho chị Phạm Thị D 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0018552 ngày 14-6-2018.

Công ty trách nhiệm hữa hạn LTH phải chịu 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0018553 ngày 14-6-2018 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;
- Lưu: VT, (th).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA